TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 10/2019/QĐST-HNGĐ	*Quảng Nam, ngày 23 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Xuân Liêm.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thu Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **J**; sinh năm 1962, Quốc tịch: H. Địa chỉ: Tổ 3, thôn V, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà **Hoàng Thị Thu N**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo nội dung đơn yêu cầu ngày 18/4/2019 và bản trình bày của ông J và bà Hoàng Thị Thu N thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Ông J và bà Hoàng Thị Thu N chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau tại Hà Nội, sau đó do điều kiện công việc nên vợ chồng chuyển về thành phố H, tỉnh Quảng Nam để sinh sống. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng có nhiều điểm bất đồng, do phong tục tập

quán cũng như nền văn hóa khác nhau nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng ông J và bà Hoàng Thị Thu N đã sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông J và bà Hoàng Thị Thu N yêu cầu Tòa án xem xét, công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Ja Kel H, sinh ngày 13/6/2008 và Ja Ki H, sinh ngày 12/5/2010. Ông J và bà Hoàng Thị Thu N thống nhất giao 02 con cho bà Hoàng Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông J đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con là 10.000.000 đồng, hai con là 20.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại phiên họp, các đương sự đã chấp hành đúng giấy triệu tập của Tòa tham gia phiên họp và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung yêu cầu: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông J và bà Hoàng Thị Thu N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ việc, các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Do đó, xét thấy Tòa án cần xem xét công nhận thuận tình ly hôn của ông J và bà Hoàng Thị Thu N. Về con chung: Có 02 con chung là Ja Kel H, sinh ngày 13/6/2008 và Ja Ki H, sinh ngày 12/5/2010. Ông J và bà Hoàng Thị Thu N thống nhất giao 02 con cho bà Hoàng Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông J đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con là 10.000.000 đồng. Hai cháu hiện đều trên 07 tuổi và cũng có Đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu cha mẹ các cháu ly hôn. Sự thỏa thuận của ông J và bà Hoàng Thị Thu N không trái với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của hai cháu nên cần xem xét, công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của ông J và bà Hoàng Thị Thu N là việc hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo quy

định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các tài liệu chứng cứ kèm theo của người yêu cầu ông J và bà Hoàng Thị Thu N cung cấp được công chứng, chứng thực chữ ký hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó được Tòa án chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, ông J và bà Hoàng Thị Thu N đều có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và thực sự tự nguyện ly hôn, yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn, nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án tiến hành xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 369 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông J và bà Hoàng Thị Thu N chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2009 tại UBND thành phố H theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, việc kết hôn của ông J và bà Hoàng Thị Thu N là đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của J và bà Hoàng Thị Thu N không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa, nên ông J và bà Hoàng Thị Thu N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, cuộc sống chung của ông J và bà Hoàng Thị Thu N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông J và bà Hoàng Thị Thu N là tự nguyện, phù hợp theo quy định Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông J và bà Hoàng Thị Thu N có 02 con chung là Ja Kel H, sinh ngày 13/6/2008 và Ja Ki H, sinh ngày 12/5/2010. Ông J và bà Hoàng Thị Thu N thống nhất giao 02 con cho bà Hoàng Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai cháu hiện đều trên 07 tuổi và cũng có Đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu cha mẹ các cháu ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông J đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con là 10.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con của ông J và bà Hoàng Thị Thu N là phù hợp theo quy định và đảm bảo quyền lợi của hai cháu nên được Tòa án chấp nhận.

Sau khi ly hôn, ông J và bà Hoàng Thị Thu N có các quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông J và bà Hoàng Thị Thu N không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông J và bà Hoàng Thị Thu N phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 208, Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 55, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông J và bà Hoàng Thị Thu N.

2. Về con chung: Ông J và bà Hoàng Thị Thu N có 02 con chung là Ja Kel H, sinh ngày 13/6/2008 và Ja Ki H, sinh ngày 12/5/2010. Giao cháu Ja Kel H, sinh ngày 13/6/2008 và cháu Ja Ki H, sinh ngày 12/5/2010 cho bà Hoàng Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông J có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ja Kel H, sinh ngày 13/6/2008 mỗi tháng 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Ja Kel H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Buộc ông J có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ja Ki H, sinh ngày 12/5/2010 mỗi tháng 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Ja Ki H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, ông J và bà Hoàng Thị Thu N có các quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên mà bên phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông J và bà Hoàng Thị Thu N mỗi người phải nộp 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000283 ngày 18/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- UBND thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Bùi Xuân Liêm